



bīng qiú

冰球

noun · ice hockey

Example Sentences

Bīng qiú zài jiā ná dà hěn shòu huān yíng
冰球在加拿大很受欢迎。

Ice hockey is very popular in Canada.

Tā cóng xiǎo jiù xǐ huān dǎ bīng qiú
他从小就喜欢打冰球。

He has liked playing ice hockey since he was young.

Trace each character, then write the word on your own.

冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰		
球	球	球	球	球	球	球	球	球	球	球
球	球	球								